TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ -ST
Ngày 05/4/2024
"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
Bà Dương Thị Thu H - Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2023/TLST - HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 05/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Anh Vũ Văn B, sinh năm 1985

- Bị đơn : Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

- Người có QLNV liên quan: Cháu Vũ Ngọc K A, sinh ngày 09/12/2015 và Vũ Nguyên Gia B, sinh ngày 03/4/2017

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị H – Mẹ đẻ của các cháu

Đều cư trú tại: BC, QL, AT, Hưng Yên

Người làm chứng: Ông Vũ Văn Bốn, sinh năm 1960

Trú tại: BC, QL, AT, Hưng Yên

Anh B, chị H, cháu K A, Gia B có mặt. Ông Bốn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2023 và lời khai của anh B trình bầy: Anh và chị H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lãng vào năm 2015. Sau khi cưới chị H về ngay gia đình anh chung sống, thời gian đầu vợ cH chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị H không tin tưởng và anh chị có nhiều cãi lộn, anh không chịu được và cũng giải thích nói chuyện nhưng vợ cH không còn tin tưởng, vì vậy năm 2021 vợ cH sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ cH

không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ cH anh có 2 con chung là cháu Vũ Ngọc K A, sinh năm 2015 và Vũ Nguyên Gia B, sinh năm 2017. Hiện nay cháu đang ở với chị H. Nay ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Chị H trình bày: Chị và anh B có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 8 tháng thì tiến tới hôn nhân, được 2 gia đình tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lãng vào năm 2015. Sau khi cưới chị về ngay gia đình cH chung sống, được 1 năm thì vợ cH ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ cH không có mâu thuẫn gì do anh B đi lái xe, nay đây mai đó sau đó ngoại tình nên không về ở nữa từ khi chị mang thai cháu thứ 2, chỉ khi có công việc thì về thăm gia đình, từ đó vợ cH sống ly thân nhau, gia đình có gọi điện thì anh B lấy lý do không về, chị có gọi điện cho anh B về để nói chuyện anh B nói có gì thì nói sau, sau đó anh B cũng không về. Khoảng 3 năm trước anh B làm đơn ly hôn. Nay anh B ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì hai bên gia đình mong muốn vợ cH về đoàn tụ để con có bố, có mẹ.

Về con chung: Vợ cH có 2 con chung là cháu Vũ Ngọc K A, sinh năm 2015 và Vũ Nguyên Gia B, sinh năm 2017. Hiện nay cháu đang ở với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Ông Vũ Văn Bốn (bố đẻ của anh B) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị theo phong tục tập quán, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lãng vào năm 2015, sau khi cưới chị H về ngay gia đình ông chung sống, khoảng 2 năm thì anh chị làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Do đặc thù công việc, anh B làm lái xe nên thỉnh thoảng mới về, về được 1 lúc lại đi làm. Anh B xin ly hôn lý do vợ cH giận dỗi, bực nhau. Về phía gia đình mong muốn các cháu về ở với nhau. Ông có nói chuyện với vợ cH, nói chị H việc ăn B làm ăn cũng phải có quan hệ này quan hệ kia đừng suy diễn lung tung, sau đó vợ cH anh chị lại bình thường với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là Vũ Ngọc K A, sinh năm 2015 và Vũ Nguyên Gia B, sinh năm 2017.

Về tài sản chung: Không có.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Quảng Lãng: Chị H, anh B là vợ cH, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lãng vào ngày 01/12/2015. Sau khi kết hôn vợ cH anh B, chị H chung sống với nhau tại BC, QL, AT. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Chị H, anh B và 02 cong chung là cháu Vũ Ngọc K A, sinh năm 2015 và Vũ Nguyên Gia B, sinh năm 2017. Hiện con chung đang ở với chị H và học tập tại Quảng Lãng

Về tài sản chung, công sức: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 25/3/2024: Anh B có mặt, chị H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 05/4/2024: Anh B, chị H có mặt. Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị H và giải quyết con chung, còn chị H mặc dù chị H xác định vợ cH không còn tình cảm với nhau nhưng chị H không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ cH về ở với nhau để con có bố có mẹ.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật..

+ Về đường lối giải quyết: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vũ Văn Biên xử cho anh B được ly hôn chị H

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ Ngọc K A sinh ngày 09/12/2015 và cháu Vũ Nguyên Gia B sinh ngày 03/4/2017 cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết

- Về án phí: anh B phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh B, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Lãng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 01/12/2015. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh B, chị H là hợp pháp. Nay anh B có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại BC, QL, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ cH: Anh B, chị H đều xác định vợ cH mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân theo anh B là do chị H không tin tưởng nên vợ cH xảy ra cãi nhau, còn về phía chị H xác định là do anh B ngoại tình, chị H không tin tưởng anh B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H không đưa ra được tài liệu gì, chị có trình bày gia đình cH có biết nhưng ông Bốn trình bày không có việc anh B ngoại tình, do mâu thuẫn vợ cH sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, việc ai người đó làm và anh B đã làm đơn ly hôn nộp Tòa án, sau đó anh B lại rút đơn, mặt khác quá trình Tòa án tiến hành hòa giải anh B cương quyết ly hôn, chị H không đồng ý nhưng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ cH với anh B, tại phiên tòa anh B vẫn xin ly hôn chị H, còn chị H vẫn không đồng ý nhưng chị xác định tình cảm vợ cH không còn, mà muốn vợ cH đoàn tụ để con có bố, có mẹ. HĐXX nhận thấy, mong muốn của chị H là chính đáng nhưng hôn nhân phải được xây dựng, duy trì trên cơ sở tình cảm nhưng chị H xác định không còn tình cảm nữa, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh B và chị H đã có thời gian dài sống ly thân nhau. Vì vậy có đủ căn cứ để xử cho anh B được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh B, chị H có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc K A, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Vũ Nguyên Gia B, sinh ngày 03/4/2017. Vợ cH ly hôn, chị H có quan điểm nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh B cũng có nguyện vọng nếu chị H nuôi cả 02 con chung, anh B cũng đồng ý, cháu K A, Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H, hơn nữa anh B làm lái xe, nay đây mai đó, chỗ ở không ổn định. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ nên giao cả hai cháu An và B cho chị H nuôi dưỡng là đảm B mọi mặt cho con chung và phù hợp với thực tế.

Về cấp dưỡng: Do chị H nhận nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, trong thời gian chị H, anh B sống ly thân nhau chị H vẫn đảm B điều kiện chăm sóc các cháu nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh B, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B. Xử cho anh B được ly hôn chị H

2- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị H thống nhất để chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Vũ Ngọc K A, sinh ngày 09/12/2015 và cháu Vũ Nguyên Gia B, sinh ngày 03/4/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0000725 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Anh B đã nộp đủ

5- Quyền kháng cáo: Anh B, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Quảng Lãng, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Hân